

## MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CHÙA VIỆT

NGUYỄN QUANG KHẢI<sup>(\*)</sup>

**K**hi Phật giáo mới ra đời, chùa chưa xuất hiện. Đức Thích Ca Mâu Ni và các đệ tử của Ngài khi đi hành đạo và khuyến giáo thường trú đêm tại hốc cây, hang đá. Sau có một người tên là Cấp Cô Độc mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà dâng cho Phật để làm tịnh xá giảng kinh thuyết pháp. Từ đó mới bắt đầu có chùa. Có thể nói, đó là ngôi chùa đầu tiên ở Ấn Độ và cũng là ngôi chùa đầu tiên trên hành tinh này. Còn tại Trung Quốc, theo sách *La bích chí dư*, ngôi chùa đầu tiên được xây dựng là vào năm Vĩnh Bình đời Hán Minh đế (năm 58 - 75), đó là chùa Hồng Lô. Về tên gọi, không phải ngay từ khi xuất hiện, nơi dùng để các nhà tu hành Phật giáo thuyết pháp, hành đạo có tên là “chùa”, mà tùy từng thời điểm và tùy từng địa phương lại có tên gọi khác nhau. Ở Ấn Độ gọi là Tăng già lam. Ở Trung Quốc, thời Ngụy Võ Đế (đầu thế kỉ III), gọi là Chiêu đề. Năm Đại nghiệp đời Tùy Dạng Đế (năm 605 - 617) gọi là Đạo tràng. Đến đời Đường (năm 618- 907) mới gọi là tự (chùa). Ở Việt Nam, theo nhiều nguồn thư tịch cổ, vào giữa thế kỉ II, Phật giáo được truyền vào Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), và có thể chùa được xuất hiện vào thời điểm đó.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, dường như làng nào của Việt Nam

(chỉ ít là ở đồng bằng Bắc Bộ) cũng có một ngôi chùa, thậm chí có làng có đến vài ba ngôi chùa. Chùa là để thờ Phật. Tuy nhiên, tìm hiểu kiến trúc và tín ngưỡng thờ tự của các ngôi chùa của Phật giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, chúng tôi thấy có những đặc điểm khác nhau.

### 1. Đặc điểm kiến trúc

Trong khuôn viên chùa, người ta xây dựng các hạng mục công trình theo hai cách. Một là cấu trúc theo mô hình chữ “quốc”, hai là cấu trúc theo hình chuôi vồ và phân chia thành năm khu vực kiến trúc: trung tâm, tiền, hậu, tả, hữu. Tại khu vực trung tâm, công trình kiến trúc được ưu tiên là tòa tiền đường, thiêu hương, tòa tam bảo, hai tòa hành lang và nhà tổ. Hai tòa hành lang được xây dựng vuông góc với tòa tiền đường và nối từ hai đầu nhà tiền đường với hai đầu nhà tổ, tạo thành khối kiến trúc khép kín.

Thông thường, tòa tiền đường của những ngôi chùa thuộc Phật giáo Bắc tông của các làng hầu hết có hướng Tây hoặc Tây - Nam, hoặc Tây - Bắc của làng hoặc ở sườn phía Tây, Tây - Nam, Tây - Bắc núi. Người ta chỉ chọn hướng khác khi không chọn được ba hướng trên. Ngôi chùa cũng có chiều cao vừa phải, không cao quá.

\*. Nhà Nghiên cứu, tỉnh Bắc Ninh.

Tại khu vực kiến trúc phía trước (mặt tiền) có tam quan và gác chuông.

*Tam quan*: đơn giản chỉ là cái cổng có ba cửa để vào chùa. Trước đây và cả hiện nay có người nhầm tam quan là tam quán và giải thích đó là biểu tượng ba phép quán của Phật giáo là Không quán, Giả quán và Trung quán. Thực ra tam quan chỉ là tam quan, tức là cái cổng có ba cửa. Trong sách *Quan Âm thị Kính*, sư thầy khuyến tiểu Kính Tâm khi tiểu bị làng bắt vạ, có câu:

*Dù oan hay con không oan*

*Thì con hãy ở tam quan mái ngoài.*

Chính là nói cái tam quan này.

Cũng có chùa, tầng trên của tam quan được dùng làm gác chuông.

*Gác chuông*: thông thường được làm hai tầng. Tầng trên dùng để treo chuông, tầng dưới, dùng làm cổng vào chùa (nếu tam quan đồng thời là gác chuông). Nhưng thông thường, tam quan và gác chuông là hai đơn nguyên xây dựng khác nhau, và như vậy, tại tầng dưới của gác chuông, người ta bày tượng tứ trấn với hình dáng đầu đội mũ trụ, người mặc võ phục, tay cầm võ khí, đứng ở bốn góc, hướng vào trung tâm.

*Khu vực phía sau* (mặt hậu): thường là nhà hậu, nhà tổ, vườn tháp, nơi an vị xá lợi các vị tăng ni đã từng trụ trì, hành đạo tại chùa qua các thời kì.

*Khu vực bên phải*, có thể là nhà mẫu, am thờ, v.v...

*Khu vực bên trái*: có thể là nhà trai, nhà khách, nhà tạo soạn, các công trình phụ khác.

Ở hai khu vực này (khu tả và khu hữu), tùy theo địa thế khu đất và sở thích người trụ trì, có thể người ta xây dựng

nhà mẫu, am thờ ở khu vực bên trái và xây dựng nhà trai, nhà khách, nhà tạo soạn ở khu vực bên phải của khu vực trung tâm.

Ngoài các công trình xây dựng trên đây trong khuôn viên chùa, một số chùa còn có các công trình kiến trúc khác. Chẳng hạn, tại chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) còn có tòa Tam bảo hậu, có hành lang tiền, có tháp Hòa phong, tòa nghinh khách; chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) còn có tòa Tích thiện am, phủ thờ, nhà bia; chùa Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội), chùa Thầy (Sóc Sơn, Hà Nội) còn có tòa thủy đình; chùa Hàm Long (Bắc Ninh) và một số chùa khác còn có tòa Ly trần viện, v.v...

Đặc biệt, trong kiến trúc chùa Dâu và chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh, người xưa đều lấy con số 9 để xây dựng chùa. Nếu tính theo mặt bằng xây dựng, từ ngoài vào có 9 lớp: cầu, tam quan, gác chuông, nghinh khách, tháp, tiền đường, thiêu hương, thượng điện, tam bảo hậu (chùa Dâu); tam quan, gác chuông, tiền đường, thiêu hương, thượng điện, tích thiện am, nhà khách, phủ thờ, hậu đường (chùa Bút Tháp). Nếu tính theo phương thẳng đứng, một công trình kiến trúc của các chùa này cũng có 9 bậc, đó là tháp Hòa Phong ở chùa Dâu (thời Trần, tháp Hòa Phong có 9 tầng, sau bị đổ, thời Nguyễn xây lại còn 3 tầng), và tòa Cửu phẩm liên hoa ở chùa Bút Tháp cũng có 9 tầng.

Tại tất cả các công trình kiến trúc có mục đích thờ tự trong khuôn viên chùa, người ta đều treo các bức hoành phi, câu đối, có một số nơi còn có các bức cuốn thư bằng chữ Hán (hoặc chữ Nôm) với nhiều thể chữ khác nhau, rất sinh động. Các bức hoành phi, câu đối, cuốn thư đó, một mặt, giới thiệu cho người đến thăm

chùa biết nơi thờ đó gọi là gì, vị được thờ ở đó là ai, hành trạng của vị đó như thế nào, mặt khác, cũng tạo không gian thờ tự thêm phong phú về phương diện văn hóa.

Vật liệu được dùng để xây dựng chùa, ở buổi ban đầu là tranh tre, trình tường đất, sau mới dùng đá ong (nơi có núi). Sau này mới có khung gỗ, xây tường gạch, lợp ngói.

Khác với nhiều ngôi chùa ở Trung Quốc, các ngôi chùa cổ ở Miền Bắc Việt Nam không có các tòa: điện Văn Thù, điện Phổ Hiền, điện Già lam và cũng không có lầu trống (đối diện với lầu chuông); quy mô xây dựng của các tòa nhà cũng nhỏ hơn nhiều; khuôn viên chùa cũng không rộng như nhiều chùa ở Trung Quốc (trừ một số ngôi chùa mới được xây dựng gần đây).

## 2. Đặc điểm các tượng thờ

Theo kinh *Tăng nhất A hàm* quyển 28, thì việc tạc tượng Phật để thờ đã xuất hiện ngay từ khi Phật còn tại thế. Người đầu tiên thực hiện việc này là Ưu Điền Vương - Quốc vương nước Câu Thiểm Di. Việc thờ Bồ tát, Thánh tăng, Hộ pháp, La hán, v.v... mãi sau này mới xuất hiện.

Ở Việt Nam, cho đến nay, do điều kiện tư liệu không cho phép, chúng ta không biết được cách thờ tự trong chùa thời Lý, Trần trở về trước như thế nào. Dựa vào một số kinh điển Phật giáo, một số nghiên cứu của Trần Trọng Kim, Nguyễn Lang, Toán Ánh, v.v... và kết quả điền dã, chúng tôi biết được cách thờ tự tại các ngôi chùa Miền Bắc Việt Nam từ thời Lê đến đầu thế kỉ XX như sau:

Tại tòa Tam bảo (còn gọi là thượng điện hay chính điện), ở chính giữa có các lớp tượng sau:

Lớp cao nhất, sát tường tòa Tam bảo có 3 vị Tam thế Về ba pho tượng này, có nhiều cách giải thích khác nhau. Có người cho đó là A Di Đà (Phật quá khứ), Thích Ca (ngồi giữa, Phật hiện tại), Di Lặc (Phật tương lai); có người cho đó là Nhiên Đăng, Thích Ca, Di Lặc. Cũng ba pho tượng này, có người cho là tam thân, đó là Tỳ Lô Giá Na, Lô Xá La, Thích Ca; có người lại gọi là Tam phương, đó là Thích Ca, Di Đà, Dược Sư.

Lớp thứ hai, ngồi giữa là Phật A Di Đà, hai bên là Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

Lớp thứ ba, chính giữa là Thế Tôn Thích Ca (có thể đứng, có thể tọa trên tòa sen), hai bên là Ca Diếp và A Nan Đà, cũng có thể là Văn Thù (cưỡi sư tử xanh) và Phổ Hiền (cưỡi voi trắng).

Lớp thứ tư là tòa Cửu Long. Tòa Cửu Long có nhiều loại. Có Cửu Long một dãy, Cửu Long hai dãy, hoặc ba, bốn, năm dãy, trên đó người ta tạc 9 đầu rồng và các chư Phật, chư Thiên. Ở chính giữa có tượng Thích Ca sơ sinh. Riêng chùa Quảng Bá (TP. Hà Nội), tòa Cửu Long lại tạc tượng Phật Thích Ca đứng dưới tán cây vô ưu. Tòa Cửu Long là tác phẩm điêu khắc có giá trị nghệ thuật cao, có ý nghĩa ghi lại thời điểm ra đời của Thích Ca.

Lớp thứ năm có các kiêu tượng thờ: có thể ngồi giữa là Ngọc Hoàng Thượng Đế, hai bên là Nam Tào và Bắc Đẩu. Cũng có thể là Ngọc Hoàng ngồi giữa, hai bên là Phạm Vương và Đế Thích.

Tại góc Tam bảo bên trái thờ Quan Âm Tống Tử, góc bên phải có thể thờ một vị nào đó (chẳng hạn như: Quan Âm Chuẩn Đề, hoặc là Tổ Tây, hoặc là Quan Âm Thị Kính, v.v...).

Hai dãy sát tường tòa Tam bảo thờ Thập điện Diêm Vương, mỗi bên 5 vị, đều ở tư thế ngồi, đầu đội mũ bình thiên. 10 vị đó là: Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quảng Vương, Diêm La Vương, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Bình Chính Vương, Đô Thị Vương, Chuyển Luân Vương. Tín ngưỡng thờ Thập điện Diêm Vương mới xuất hiện ở Trung Quốc vào thời nhà Đường (năm 618- 907).

Tuy nhiên, không phải chùa nào cũng bài trí tượng Thập điện Diêm Vương như trên. Chẳng hạn, chùa Mía (Sơn Tây, Hà Nội) lại bày Thập điện Diêm Vương ở trong động; có chùa lại thể hiện hình tượng các vị bằng tranh vẽ hay phù điêu.

Riêng ở chùa Trăm Gian huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, ngôi liên kê với Thập điện Diêm Vương có 4 vị Tứ Phủ. Bốn vị này có kích thước lớn hơn tượng Diêm Vương, nhưng mũ mãng, phẩm phục, thế ngồi đều giống tượng Thập điện. Trên ngực các vị đều có cái thẻ ghi rõ “Thủy Phủ”, “Thiên Phủ”, Nhạc Phủ, Địa Phủ. Đây là bốn vị giúp việc cho Ngọc Hoàng Thượng Đế cai quản bốn cõi: cõi trời, núi rừng, mặt đất và sông nước, biển hồ. (Không nên lẫn với tứ phủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu).

Nhìn vào ba lớp (1,2,3) tượng thờ trong Tam bảo, chúng ta thấy ở đó chỉ có thờ Phật và các vị Bồ tát. Các vị Phật ngồi ở lớp cao nhất, sát tường, còn lớp tượng thứ hai và thứ ba, Phật ngồi ở chính giữa. Các vị Phật đều có dáng vẻ từ bi, ngôi kết già, đôi tai dài, ngực có dấu chữ “vạn”, áo màu cánh gián, có nhiều lớp sóng. Hai bên là các vị Bồ tát.

Nếu ở nhiều chùa ở Trung Quốc, người ta có làm điện riêng để thờ Văn Thù Bồ

tát, Phổ Hiền Bồ tát và Già Lam điện để thờ Hộ pháp thì ở Việt Nam, từ năm 1945 trở về trước, dường như không có chùa nào có các điện thờ đó.

Trong tòa Tam bảo, có chùa (chùa Ninh Hiệp, chùa Vẽ ở Hà Nội, chùa Dâu ở Bắc Ninh) thờ Tứ Bồ tát. Tứ Bồ tát có hình dáng nữ quan, trẻ trung xinh đẹp, đầu đội mũ tì lư, mình mặc áo dài, đứng trên đài sen ở hai đầu hồi hai gian bên, hướng vào gian giữa. Bốn vị Bồ tát (tứ Bồ tát) đó là: Kim Cương Quyền Bồ tát, Kim Cương Sách Bồ tát, Kim Cương Ái Bồ tát, Kim Cương Ngũ Bồ tát. Có chùa trong Tam bảo lại thờ Lục bộ Công tào (chùa Dâu, Bắc Ninh). Sáu vị này (Lục bộ Công tào) có hình dáng nhỏ, có người mặc võ phục, có người mặc phẩm phục văn quan, đều ở tư thế ngồi trên ghế hoặc cưỡi sấu. Cũng tại chùa Dâu, người xưa còn thờ Bà Trắng, Bà Đỏ, thờ tượng Pháp Vân và thờ Thạch Quang Phật.

Tại nhà tiền đường, ở hai gian liên kê Tam bảo là hai vị hộ pháp rất lớn, đều mặc võ phục. Một vị mặt đỏ, cầm kiếm, trông dũng mãnh; một vị mặt trắng, dáng vẻ hiền từ, tay cầm viên ngọc. Người ta gọi một vị là Trừng Ác (người cầm kiếm), một vị là Khuyển Thiện (tay cầm viên ngọc).

Ở gian bên trái tiếp theo, người ta thờ Thánh Hiền. Thánh Hiền có tư thế ngồi, đầu đội mũ thất Phật, vẻ mặt tươi sáng, từ bi, bàn tay trái cầm bát cháo, bàn tay phải dựng lên, hướng về phía trước. Cũng có chùa (chùa Trấn Quốc, Hà Nội), tại vị trí này người ta thờ Quan Công và hai bên là Châu Xương, Quan Bình. Tại gian đầu hồi, người ta thờ vong. Ở chính giữa là tượng Địa Tạng Vương Bồ tát, ở tư thế đứng, đầu đội mũ thất Phật, tay cầm cây

gậy tích trượng. Cũng có chùa ở hai đầu hồi nhà tiền đường, người ta bố trí tám pho tượng Kim Cương (mỗi bên bốn vị), gọi là “Bát bộ Kim Cương”. Bát bộ Kim Cương đều ở tư thế đứng, tay cầm vũ khí, mặc võ phục, đứng quay mặt vào phía giữa tòa tiền đường. Tám vị Kim Cương đó là: Thanh trừ tai Kim Cương, Tích độc trừ Kim Cương, Hoàng tùy cầu Kim Cương, Bạch tịch thủy Kim Cương, Xích thanh hỏa Kim Cương, Định trì tai Kim Cương, Tử hiển thân Kim Cương, Đại thần lực Kim Cương. Cũng có thời kì, ở một số chùa Việt, tương ứng với Bát bộ Kim Cương, người ta lại thờ tám vị Minh Vương: Hàng tam thế Minh Vương, Đại uy đức Minh Vương, Đại tiểu Minh Vương, Đại luân Minh Vương, Mã đầu Minh Vương, Vô năng thắng Minh Vương, Bất động Minh Vương, Bộ trịch Minh Vương.

Tại gian bên phải tiếp theo của nhà tiền đường, người ta thờ tượng Đức Ông và thần Thổ Địa. Về việc thờ Đức Ông (hay Chúa Ông), trước đây, ở Việt Nam, các chùa cũng thờ không hoàn toàn giống nhau. Có chùa thờ Quan Công làm Đức Ông, có chùa thờ Khẩn Na La tôn giả. Tượng Đức Ông thường trang nghiêm, đội mũ, mặt đỏ; tượng thần Thổ Địa có hình dáng mặt đỏ, râu trắng, lông mày trắng.

Tuy nhiên, nhìn vào chi tiết, các gian bên trái, bên phải tòa tiền đường ở chùa này không hoàn toàn giống chùa kia. Riêng ở chùa Dâu (Bắc Ninh), tòa tiền đường có thờ Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, người có công trùng tu chùa Dâu vào thế kỉ XIV.

Tại hai dãy nhà hành lang, người ta thờ thập bát (18) La hán, mỗi bên chín vị. Nhưng theo sách *Đại A La Hán Nan đế*

*Mật da la sở thuyết pháp trụ kí*, chỉ có 16 vị La hán, còn hai vị nữa là thị giả. 16 vị La hán đó là:

1. Tân độ la Bạt la Đọa xà; 2. Ca nặc ca Phạt ta; 3. Ca nặc ca Bạt li Đọa xà; 4. Tô Tân đà; 5. Nặc Cự la; 6. Bạt Đà la; 7. Ca Lý ca; 8. Phạt xà la Phất đa la; 9. Thú bác ca; 10. Bán thác ca; 11. La hồ la; 12. Na già Tê na; 13. Nhân Yết đà; 14. Phạt na Bà tư; 15. A thị da; 16. Chú bồ Bán thác ca, số 17 và 18 là hai vị thị giả.

Vị trí thờ các vị La hán ở chùa Việt, cũng không nhất thiết chùa nào cũng giống chùa nào. Chẳng hạn, các vị La hán ở chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), chùa Đồng Kỵ (Từ Sơn, Bắc Ninh), chùa Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội) và một số chùa khác được thờ ở nhà hành lang, nhưng tại chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh), chùa Phật Tích (trước năm 1945), chùa Lũng Giang (Tiên Du, Bắc Ninh), chùa Đáp Cầu (TP. Bắc Ninh), v.v... các vị La hán lại được thờ ở sát hai bên tường phía trong tòa Tam bảo. Còn chùa Quán Sứ (Hà Nội), các vị La hán lại được thể hiện bằng tranh vẽ và được treo trong nhà tổ.

Tại nhà tổ, thờ tượng Bồ Đề Đạt Ma và các vị tổ đã từng trụ trì chùa qua các thời kì. Chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh) thờ đệ lục tổ Huệ Năng, chùa Đại Thành (Bắc Ninh) thờ Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai, người có công cho xây dựng rất nhiều chùa ở xứ Bắc vào thế kỉ XIX.

Ngoài các pho tượng trên, một số ngôi chùa ở thành phố Hà Nội (như chùa Quan Hoa, chùa Bằng, chùa Quán Sứ, chùa Ninh Hiệp, chùa Tây Phương,...) còn thờ Vi Đà Tôn Thiên. Vi Đà Tôn Thiên mặc võ phục, tay phải chống kiếm, tay trái nắm lại, có hình dáng bên ngoài trông giống tượng Hộ pháp, nhưng nhỏ hơn. Vị

này, có chùa thờ trên lầu tam quan (chùa Ninh Hiệp), có chùa thờ ở án (chùa Quán Sứ). Tín ngưỡng thờ Vi Đà Tôn Thiên có từ thế kỉ VII ở Trung Quốc.

Về chất liệu dùng để làm tượng, các pho tượng được thờ trong chùa thường được tạo từ bốn chất liệu: gỗ mít, đất sét, đồng và đá.

Quan sát một số ngôi chùa ở Trung Quốc, chúng tôi không thấy người ta thờ như ở Việt Nam. Cụ thể là người ta không thờ Thập điện Diêm Vương, không thờ thần Thổ Địa. Còn Đức Ông thì được thờ ở Già Lam điện.

Ngoài ngôi chùa thờ Phật mà làng Việt nào cũng có, chúng tôi còn thấy trước đây ở một số làng ở đồng bằng Bắc Bộ còn có chùa mục đồng. Ở các làng đồng bằng Bắc Bộ, chùa mục đồng thường được xây dựng ở dìa làng, nơi giáp ranh giữa khu dân cư và cánh đồng. Mục đích xây chùa mục đồng là để thờ cúng các trẻ chăn trâu (mục đồng) chết trẻ, không có người thờ cúng. Chùa mục đồng thường nhỏ, kiến trúc đơn giản, bên trong có tượng trẻ mục đồng bằng đất sét. Ngày nay, không thấy làng nào còn chùa mục đồng.

Ngoài ra, trước đây, một số dòng họ cũng xây chùa riêng của dòng họ. Nhưng trường hợp này không nhiều và ngày nay, không thấy xuất hiện nữa.

Ở một số tỉnh phía Bắc trước đây, một số gia đình quyền quý, giàu có xây am thờ Phật của riêng gia đình mình. Còn một số gia đình ở các tỉnh phía Nam trước đây và hiện nay vẫn có tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường để thờ Phật và để hành trì nếp sống tu hành của Phật tử.

Từ sự tìm hiểu ngôi chùa Việt, chúng tôi thấy:

*Một là*, tín ngưỡng thờ tự trong ngôi chùa ở các tỉnh phía Bắc thể hiện rất rõ tính chất đan xen, hòa đồng giữa Thiên tông, Tịnh Độ tông, Mật tông và tín ngưỡng dân gian, thông qua tín ngưỡng thờ các vị Thích Ca, Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà; thờ A Di Đà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí; thờ Kim Cương (Tứ Kim Cương hoặc Bát bộ Kim Cương) và thờ Tứ Pháp, thờ thần Thổ Địa.

*Hai là*, tín ngưỡng thờ tự tại chùa của Phật giáo Bắc tông ở Việt Nam cơ bản là dựa theo kinh điển Phật giáo, nhưng cũng chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng của người dân mỗi địa phương. Điều này thể hiện rõ ở tín ngưỡng thờ Hộ pháp, thờ Tứ pháp và một số nhân vật được thờ tự khác.

*Ba là*, mặc dù tín ngưỡng thờ tự trong chùa Việt là tuân theo kinh điển Phật giáo, nhưng cũng có nhiều sáng tạo, cách tân và mang dấu ấn của đặc điểm tín ngưỡng ở mỗi địa phương.

*Bốn là*, ở nhiều pho tượng trong chùa, người xưa đều cố gắng phản ánh những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Phật, cuộc đời các vị Bồ tát, các vị La hán. Qua tư thế, thần thái của một số pho tượng La hán và cách cấu tạo cửa sổ trên tiền đường, tam bảo, triết lí sắc - không được thể hiện thật sâu sắc.

*Năm là*, so sánh với chùa ở một số nước lân cận, chúng ta thấy chùa Việt thể hiện đức khiêm nhường của người Việt. Đó là, cấu trúc những tòa nhà có độ cao vừa phải, khuôn viên vừa phải, tượng to vừa phải, lối đi vừa phải, cửa rộng vừa phải. /.